

BẢNG BÁO GIÁ SƠN BẠCH TUYẾT

Kính gửi : Quý khách hàng

Trước tiên Công ty chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự hợp tác và ủng hộ của Quý khách hàng trong suốt thời gian qua, chúng tôi xin trân trọng gửi đến Quý khách hàng bảng báo giá mới nhất như sau :

TÊN SẢN PHẨM	QUI CÁCH	ĐƠN GIÁ CHƯA VAT	VAT 8%	GIÁ THANH TOÁN
MÀU SƠN ALKYD (Bóng) Bạc, Đỏ, Nâu Đỏ, Đỏ Nâu Ya Lợt, Ya, Ya Đậm (Y715, YL714, YD 736)	16KG	2,941,963	235,357	3,177,320
	2.8KG	519,719	41,578	561,297
	0.8KG	159,029	12,722	171,751
	0.4KG	81,869	6,549	88,418
	0.2KG	51,368	4,109	55,477
MÀU SƠN ALKYD (Bóng) Trắng, Trắng Xanh, Trắng Xám Cam, Vàng Lợt, Hồng Tím Mòn, Vàng Đồng Vàng Cam, Vàng Đồng Đậm	16KG	2,941,963	235,357	3,177,320
	3KG	556,378	44,510	600,888
	0.8KG	159,029	12,722	171,751
	0.4KG	81,869	6,549	88,418
	0.2KG	51,368	4,109	55,477
MÀU SƠN ALKYD (Bóng) Đen, Nâu, Dương, Dầu Bóng, Xanh Ngọc Đậm	16KG	2,879,152	230,332	3,109,484
	15KG	2,700,380	216,030	2,916,410
	2.8KG	508,586	40,687	549,273
	0.8KG	155,712	12,457	168,169
	0.4KG	79,943	6,395	86,338
0.2KG	50,619	4,049	54,668	
SƠN ALKYD (Bóng) Xám, Xám Xanh, Xám vàng, Hòa Bình, Vert, Vàng, Vàng chanh, Vàng Kem, Kem, Lá Mạ, Gạch, Ngói, Xanh ngọc, Café sữa, Vert Nikko, Xám Lợt, Xám Đậm, Cẩm Thạch, Xanh rêu, Hồng Phấn, Hồng Đất, Đen Mờ	16KG	2,879,152	230,332	3,109,484
	3KG	544,404	43,552	587,956
	0.8KG	155,712	12,457	168,169
	0.4KG	79,943	6,395	86,338
	0.2KG	50,619	4,049	54,668
SƠN ALKYD Trắng Mờ	18KG	3,307,174	264,574	3,571,748
	4KG	738,931	59,114	798,045
	1KG	198,412	15,873	214,285
	0.5KG	101,346	8,108	109,454
	0.2KG	51,368	4,109	55,477
SƠN CHỐNG RỈ (CHỐNG SÉT) BÓNG	16KG	2,470,560	197,645	2,668,205
	3KG	467,832	37,427	505,259
	0.8KG	134,522	10,762	145,284
	0.4KG	69,133	5,531	74,664
	0.2KG	45,804	3,664	49,468
SƠN CHỐNG RỈ (CHỐNG SÉT) MỜ	16KG	2,407,644	192,611	2,600,255
	3KG	456,068	36,485	492,553
	0.8KG	131,311	10,505	141,816
	0.4KG	67,529	5,402	72,931
	0.2KG	45,055	3,604	48,659
SƠN LÓT XÁM	16KG	2,847,746	227,820	3,075,566
	3KG	538,731	43,099	581,830
	0.8KG	154,106	12,329	166,435
	0.4KG	78,980	6,318	85,298
	0.2KG	50,512	4,041	54,553
SƠN MÉTA (CÁC MÀU)	2.8KG	596,816	47,745	644,561
	0.8KG	182,252	14,580	196,832
	0.4KG	93,105	7,448	100,553
	0.2KG	56,719	4,537	61,256
MÁT - TÍT (Chu Keo, Xám Keo)	23KG	3,859,350	308,748	4,168,098
	4.5KG	759,728	60,778	820,506
	1KG	181,717	14,537	196,254
	0.5KG	92,892	7,431	100,323

* Ghi chú : Bảng giá trên đã bao gồm VAT.

Rất mong nhận được sự ủng hộ của Quý khách hàng, trân trọng cảm ơn !

TP.HCM, ngày 24 tháng 03 năm 2026

Giám đốc